

BÁO CÁO

Kết quả triển khai thực hiện Chương trình hỗ trợ xây dựng nhà ở cho người có công, cựu chiến binh nghèo, hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Hà Giang đến 29/5/2020

Thực hiện Kế hoạch số 01-KH/BCĐ ngày 25/7/2019 của Ban chỉ đạo thực hiện hỗ trợ xây dựng nhà ở kiên cố cho người có công, cựu chiến binh nghèo, hộ nghèo có khó khăn về nhà ở trên địa bàn tỉnh Hà Giang; Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả triển khai thực hiện hỗ trợ nhà ở đến ngày 29/5/2020, cụ thể như sau:

1. Kết quả tiếp nhận kinh phí hỗ trợ:

1.1. Tổng kinh phí các đơn vị, cá nhân đăng ký cam kết hỗ trợ là 218.668,68 triệu đồng.

1.2. Kinh phí hỗ trợ Chương trình của các đơn vị, cá nhân chuyển vào tài khoản của Sở Lao động - TB&XH đến ngày 15/5/2020 là 122.632,68 triệu đồng.

1.3. Số kinh phí các đơn vị đã hỗ trợ trực tiếp cho các huyện là 4.706 triệu đồng.

1.4. Số kinh phí các đơn vị, cá nhân cam kết tài trợ chưa chuyển tiền là 91.330 triệu đồng.

1.5. Kinh phí đã chuyển cho các huyện hỗ trợ: 121.980 triệu đồng (*trương đương 2.033 nhà*).

- Kinh phí các huyện đã giải ngân: 103.940/121.980 triệu đồng.

1.6. Số dư trên tài khoản đến ngày 29/5/2020 là 683,23 triệu đồng;

Trong đó:

- Số tiền các đơn vị ủng hộ là 652,68 triệu đồng;

- Số còn lại là số dư cũ của Sở Lao động - TB&XH trước ngày 28/7/2019 (*trước khi tiếp nhận tiền ủng hộ cho Chương trình*).

2. Kết quả triển khai thực hiện tại các huyện, thành phố:

2.1. Năm 2019, toàn tỉnh đã có 1.218 hộ gia đình đã triển khai xây dựng nhà ở; bao gồm: 148 hộ gia đình chính sách người có công, 365 hộ cựu chiến binh nghèo và 705 hộ nghèo xã biên giới. Đã hoàn thành 100% số nhà khởi công năm 2019.

2.2. Năm 2020: tính đến ngày 29/5/2020, đã có 1.266 hộ/1.782 hộ khởi công mới, gồm: 52 hộ gia đình chính sách người có công, 102 hộ cựu chiến binh nghèo, 627 hộ nghèo xã biên giới, 43 hộ nghèo thuộc xã NTM năm 2020 và 440 hộ nghèo xã nội địa; Cụ thể: huyện Mèo Vạc 122 hộ, Đồng Văn 101 hộ, Yên Minh 143 hộ, Quản Bạ 114 hộ, Hoàng Su Phì 176 hộ, Xín Mần 311 hộ, Vị Xuyên 189 hộ, Quang Bình 27 hộ, Bắc Quang 41 hộ, Bắc Mê 42 hộ;

Lũy kế toàn tỉnh đã có 2.484 hộ gia đình đã triển khai xây dựng nhà ở bao gồm: 202 hộ gia đình chính sách người có công, 467 hộ cựu chiến binh nghèo, 1.332 hộ nghèo xã biên giới, 43 hộ nghèo thuộc xã NTM và 440 hộ nghèo xã nội địa thuộc 4 huyện: Hoàng Su Phì, Xín Mần, Bắc Mê và Vị Xuyên

Đến ngày 28/5/2020, toàn tỉnh đã có 1.901 hộ đã hoàn thành (*trong đó có 163 hộ gia đình chính sách người có công, 441 hộ cựu chiến binh nghèo, 1.108 hộ nghèo xã biên giới, 16 hộ nghèo xã NTM và 173 hộ nghèo xã nội địa*).

(Có biểu báo cáo tiến độ thực hiện kèm theo)

2.3. Ngoài ra các huyện và các ngành đã tự vận động nguồn lực tổ chức triển khai hỗ trợ cho 209 hộ (*tăng 25 hộ so với năm 2019*), đã hoàn thành 192 hộ.

3. Phương hướng, nhiệm vụ tiếp theo:

3.1. Tham mưu cho Ban chỉ đạo tỉnh kiện toàn thành viên Ban chỉ đạo tỉnh để đảm bảo đồng bộ trong tổ chức thực hiện. Đồng thời, giao Ban chỉ đạo các huyện rà soát và kiện toàn thành viên Ban chỉ đạo của cấp mình đảm bảo đầy đủ, đúng thành phần để thực hiện Chương trình. Hoàn thành trước 06/6/2020.

3.2. Chỉ đạo Ban chỉ đạo cấp huyện đồng loạt khởi công theo chỉ tiêu được phân bổ mới đảm bảo tiến độ, gắn với việc tiến hành rà soát thật kỹ và chính xác, trước hết là các đối tượng thuộc diện ưu tiên: Cựu chiến binh, gia đình chính sách và hộ nghèo 34 xã biên giới. Đồng thời, ngoài việc đã rà soát và thẩm định ban đầu, tiếp tục chỉ đạo chặt chẽ tổng kiểm tra từ cấp huyện tới cơ sở trước khi thực hiện, đảm bảo chính xác các đối tượng, kiên quyết không để xảy ra thắc mắc, khiếu kiện.

3.3. Đối với các đối tượng già cả, neo đơn, hoàn cảnh khó khăn, bệnh tật, thiếu lao động, ngoài kế hoạch triển khai chung, giao Ban chỉ đạo cấp huyện ban hành kế hoạch chi tiết để hỗ trợ các hộ này thật cụ thể, kỹ lưỡng, rõ trách nhiệm và thường xuyên đôn đốc, kiểm tra việc tổ chức thực hiện đảm bảo chất lượng, tiến độ.

3.4. Giao Sở Xây dựng: (1) chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND các huyện tiến hành khảo sát, đánh giá đối với tấm lợp nhựa cứng hỗn hợp (composite) hiện có trên thị trường; trường hợp đảm bảo chất lượng, tiêu chuẩn, quy phạm theo quy định, khắc phục được các nhược điểm của tấm lợp fibro xi măng cũng như giá thành hợp lý (tính cả phần kết cấu khung mái), Sở Xây dựng báo cáo UBND tỉnh xem xét, cho chủ trương thống nhất chuyển đổi thực hiện đối với các nhà khởi công và đang làm giai đoạn tiếp theo đảm bảo hiệu quả nhất, phù hợp mục tiêu của Chương trình; (2) Hoàn thành báo cáo UBND tỉnh trước 10/6/2020.

Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Đ/c Bí thư Tỉnh ủy - Trưởng BCD (b/c);
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh - Phó Trưởng BCD (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Các đồng chí UV BTV TU theo QĐ số 2204-QĐ/TU ngày 01/10/2019 (p/h chỉ đạo);
- Các đồng chí thành viên BCD 1953;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP;
- Vnptioffice;
- Lưu: VT, CV (NCTH).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Minh Tiến



BIỂU TỔNG HỢP BÁO CÁO TIẾN ĐỘ LÀM NHÀ Ở ĐẾN NGÀY 29/5/2020

(Kèm theo Báo cáo số 231 /BC-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2020 của UBND tỉnh Hà Giang)

STT	Huyện, TP	Tiến độ thực hiện			Phân loại hộ đã, đang làm nhà ở						Kinh phí tỉnh đã cấp cho huyện		Tổng kinh phí đã hỗ trợ cho hộ (tr.đồng)		Nguồn hỗ trợ khác (tr.đồng)	
		Chuẩn bị khởi công	Đã khởi công	Trong đó đã hoàn thành	Tổng số hộ	Hộ người có công	Hộ CCB nghèo	Hộ nghèo xã biên giới	Hộ nghèo xã NTM	Hộ nghèo xã nội địa	Số nhà	Số tiền (tr.đ)	Kinh phí do tỉnh hỗ trợ giải ngân	Kinh phí hỗ trợ khác bằng tiền	Ngày công	Vật liệu hỗ trợ quy tiền
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Mèo Vạc	92	253	213	253	4	29	219		1	241	14.460	12.990	60	9.145	
2	Đồng Văn		325	294	325	2	14	308		1	309	18.540	16.740		14.789	
3	Yên Minh	24	272	225	272	5	38	229			259	15.540	11.730		21.031	
4	Quản Bạ	15	191	145	191	10	23	158			160	9.600	8.700	117	4.148	
5	Hoàng Su Phì	13	429	408	429	19	175	145	7	83	371	22.260	20.460	240	25.253	
6	Xín Mần		465	285	465	6	75	170	13	201	283	16.980	12.780	1.230	16.481	144
7	Vị Xuyên	15	297	141	297	30	41	103	7	116	181	10.860	10.020	6	8.033	
8	Quang Bình	1	65	46	65	21	29		15	-	63	3.780	3.060	120	2.658	14
9	Bắc Quang		129	98	129	97	31		1		121	7.260	5.840	93	3.947	
10	Bắc Mê	27	53	41	53	3	12			38	45	2.700	1.620	290	2.011	85,5
11	Thành phố HG		5	5	5	5								300	141	73
Tổng cộng		187	2.484	1.901	2.484	202	467	1.332	43	440	2.033	121.980	103.940	2.456	107.637	316,5

